

Số: /TB-HKL

Bắc Bình, ngày tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Hạt Kiểm lâm Bắc Bình đang xây dựng phương án xử lý gỗ được xác lập quyền sở hữu toàn dân (có Bảng kê lâm sản kèm theo) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có Bảng kê lâm sản kèm theo) về Hạt Kiểm lâm Bắc Bình trước ngày 20 tháng 06 năm 2026 theo địa chỉ: đường Ngô Gia Tự, xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:

- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Hành chính – Tổng hợp (Đăng tải trên trang thông tin điện tử của CCKL);
- Lưu: VT, XLVP.

**KT. HẠT TRƯỞNG
PHÓ HẠT TRƯỞNG**

Phạm Văn Vinh

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-HKL ngày tháng 06 năm 2026 của Hạt Kiểm lâm Bắc Bình)

Thông tin chi tiết lâm sản theo Quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 22/05/2026:

STT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tám/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày			
01	KL 01B	Trắc			IIA	1,85	15	15	01	0,041	
02	KL 02B	Trắc			IIA	1,65	6	6	01	0,005	
Tổng cộng									02	0,046	

